|  |  |
| --- | --- |
| QUỐC HỘI KHÓA XV  **ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**  **TỈNH QUẢNG BÌNH**  Số: 11/BC-ĐĐBQH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13**

**và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,**

**sách giáo khoa giáo dục phổ thông” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**MỞ ĐẦU**

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”; ngày 30/11/2022, Đoàn đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 159/QĐ-ĐĐBQH về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Thành viên Đoàn giám sát bao gồm các ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình công tác tại trung ương và địa phương; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) tỉnh; đại diện lãnh đạo Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh trực tiếp làm Trưởng Đoàn giám sát; các đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh và Phó Trưởng Đoàn chuyên trách Đoàn ĐBQH tỉnh cùng làm Phó Trưởng Đoàn giám sát.

Cũng trong ngày 30/11/2021, ngay sau khi thành lập, Đoàn giám sát đã ban hành Kế hoạch số 160/KH-ĐGS, kèm đề cương báo cáo phục vụ giám sát gửi các đối tượng chịu sự giám sát, bao gồm Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Bình; các sở, ngành có liên quan, gồm Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND 08 huyện, thị xã, thành phố và một số trường tiểu học, THCS, THPT[[1]](#footnote-1) trên địa bàn tỉnh để tổ chức giám sát chuyên đề nói trên. Tại Kế hoạch này, Đoàn giám sát đã nêu rõ mục đích, ý nghĩa của việc giám sát, trong đó nhấn mạnh việc xem xét, đánh giá khách quan, trung thực, toàn diện kết quả tổ chức thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông (GDPT) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị cho lộ trình hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới chương trình, SGK GDPT trong giai đoạn tới.

Từ 21/12/2022 đến 10/02/2023, Đoàn giám sát đã tiến hành giám sát qua xem xét văn bản báo cáo của HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục chịu sự giám sát; tổ chức giám sát trực tiếp tại 02 địa phương, gồm huyện Lệ Thủy và thành phố Đồng Hới, trong đó đã trao đổi trực tiếp với đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, Phòng GDĐT và các phòng chức năng liên quan cũng như Ban giám hiệu 08 trường học đóng trên 02 địa bàn này; kết hợp khảo sát thực tế, trao đổi trực tiếp với thầy, cô giáo ở một số trường học. Cuối đợt giám sát trực tiếp, Đoàn giám sát đã tổ chức buổi làm việc với đại diện lãnh đạo Sở GDĐT, Sở Nội vụ, Ban giám hiệu Trường Đại học Quảng Bình và một số trường THPT trên địa bàn để nắm thêm tình hình, thông tin, thống nhất các nội dung cần thiết. Sau đợt giám sát, Đoàn giám sát tiến hành tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát; tổ chức họp Đoàn giám sát để thảo luận, xem xét thông qua dự thảo báo cáo và giúp Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình hoàn thiện báo cáo.

Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình trân trọng báo cáo Đoàn giám sát của UBTVQH về kết quả giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**PHẦN I**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**SỐ 88/2014/QH13 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 51/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI**

**VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SGK GDPT TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**I. Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đổi mới chương trình, SGK GDPT trong giai đoạn 2014 - 2022**

# *1. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương ban hành*

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết 29); ngày 28/11/2014 Quốc hội khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 (Nghị quyết 88) về đổi mới chương trình, SGK GDPT. Tại Nghị quyết này, Quốc hội đã nêu rõ về lộ trình thực hiện là từ năm học 2018 - 2019 bắt đầu triển khai áp dụng chương trình GDPT và SGK mới theo hình thức cuốn chiếu đối với mỗi cấp tiểu học, THCS và THPT.

Tuy nhiên, do quá trình triển khai thực hiện gặp phải một số khó khăn, vướng mắc nên ngày 21/11/2017, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 51/2017/QH14 (Nghị quyết 51) của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, SGK GDPT mới theo Nghị quyết 88. Có thể khẳng định, việc Quốc hội ban hành Nghị quyết 88 là hết sức kịp thời, hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng, làm cơ sở pháp lý cho Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai các nội dung đổi mới chương trình, SGK GDPT. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 88, Quốc hội đã có sự tổng kết thực tiễn để điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, SGK GDPT mới bằng Nghị quyết 51. Việc ban hành Nghị quyết 51 thể hiện Quốc hội đã có sự linh hoạt, giúp Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cũng như chính quyền địa phương các cấp và đặc biệt là các cơ sở giáo dục, đào tạo phổ thông trên phạm vi cả nước có được thời gian để triển khai hiệu quả hơn các nội dung liên quan. Mặt khác, để đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục, ngày 14/6/2019, Quốc hội đã kịp thời ban hành Luật Giáo dục (sửa đổi).

# Về phía Chính phủ, ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13, đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng Đề án đổi mới chương trình, chương trình, SGK GDPT và ngày 27/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, chương trình, SGK GDPT. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành một số quyết định liên quan, như: Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

# Về phía các bộ, ngành liên quan, trực tiếp là Bộ GDĐT cũng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng để quy định, hướng dẫn liên quan đến nội dung đổi mới chương trình SGK GDPT[[2]](#footnote-2).

# Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, nhìn chung các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành liên quan, trực tiếp là Bộ GDĐT ban hành nói trên về cơ bản đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ và tương đối đồng bộ; đã thể chế hóa các chủ trương, quan điểm lớn của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản GDĐT, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và có tính khả thi; tạo cơ sở pháp lý quan trọng để chỉ đạo triển khai đổi mới chương trình, SGK GDPT trên phạm vi cả nước, giúp cho quá trình triển khai được thuận lợi.

# Tuy nhiên, có nhiều ý kiến từ phía các nhà quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên và cử tri cho rằng, chủ trương thì đúng, văn bản cũng ban hành khá nhiều, nhưng việc tính toán nguồn lực và khả năng thực hiện (ngân sách, biên chế giáo viên, trình độ đáp ứng của đội ngũ) đã tạo nên một số bất cập trong quá trình triển khai đổi mới chương trình, SGK GDPT.

# *2.* *Đối với các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân*

Trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết 88 của Quốc hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã ban hành Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 29/9/2014 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 88, Nghị quyết 51 của Quốc hội và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã luôn bám sát tình hình, trực tiếp chỉ đạo nhiều nội dung liên quan thông qua các hội nghị; đặc biệt, đã kịp thời ban hành Chỉ thị số 41/CT-TU ngày 03/6/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết 88, Nghị quyết 51 của Quốc hội, các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành liên quan đến đổi mới chương trình, SGK GDPT và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thời gian qua HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình và các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã xây dựng, ban hành khá nhiều văn bản; tuy nhiên, số lượng văn bản quy phạm pháp luật không nhiều.

Về phía HĐND tỉnh, ngoài việc ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, trong đó có lồng ghép nội dung thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT và một số nghị quyết có nội dung liên quan như Nghị quyết số 20/2022/HĐND ngày 5/27/2022 về việc Quy định chế độ chi ngân sách nhà nước đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; ngày 09/9/2022, HĐND tỉnh đã ban hành [Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ban hành Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, SGK mới GDPT trên địa bàn tỉnh Quảng Bình](https://dbnd.quangbinh.gov.vn/van-ban-phap-quy?p_p_id=PublicVBPQPortlet_WAR_3cmsnewportlet_INSTANCE_T1I9kjYAuBmT&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_mode=view&_PublicVBPQPortlet_WAR_3cmsnewportlet_INSTANCE_T1I9kjYAuBmT_action=PublicVBPQController&idnoidung=1663665953352&tw=0&idcqbanhanh=1405409051741).

Về phía UBND tỉnh, thời gian qua đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, riêng đối với nhiệm vụ đổi mới chương trình, SGK GDPT đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, điều hành nhằm cụ thể hóa các văn bản của Trung ương phù hợp với tình hình địa phương *(xem chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

Đối với các sở, ngành, trực tiếp là Sở GDĐT và chính quyền địa phương các huyện, thị xã, thành phố cũng đã kịp thời xây dựng và ban hành nhiều văn bản để triển khai việc đổi mới chương trình, SGK GDPT cơ bản phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện thực tế của cơ sở. Đặc biệt, Sở GDĐT Quảng Bình đã ban hành Kế hoạch số 556/KH-SGDĐT về việc bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở GDPT năm 2020; Công văn số 720/SGDĐT-GDTrH về việc bồi dưỡng CBQL, giáo viên cơ sở GDPT triển khai Chương trình, SGK GDPT và nhiều văn bản triển khai khác có liên quan.

Qua xem xét các văn bản và quá trình triển khai áp dụng, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, nhìn chung, việc ban hành văn bản của địa phương về thực hiện chương trình, SGK mới đã bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính hệ thống với các quy định của Hiến pháp và pháp luật; kịp thời, đồng bộ và khả thi đối với tình hình thực tiễn của địa phương, qua đó góp phần thực hiện thành công bước đầu nhiệm vụ đổi mới chương trình, SGK GPPT trên địa bàn.

**II. Kết quả giám sát theo thẩm quyền về việc thực hiện Nghị quyết số 88/QH13 và Nghị quyết số 51/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK GDPT tại địa phương**

***1. Các hoạt động giám sát liên quan đến việc triển khai chương trình, SGK mới tại địa phương***

Năm 2020, thực hiện đề nghị của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội tại Công văn số 2641/UBVHGDTTN14 ngày 06/3/2020, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình đã tổ chức giám sát chuyên đề *“Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông - giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”*. Tuy vậy, vào thời điểm đó, do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại tại một số tỉnh miền Trung và diễn biến ngày càng phức tạp nên Đoàn ĐBQH tỉnh không tiến hành giám sát trực tiếp mà tổ chức giám sát gián tiếp qua xem xét báo cáo của các cơ quan chức năng.

Sau giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh kịp thời xây dựng và gửi Báo cáo kết quả giám sát tới Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng đúng tiến độ thời gian; tại báo cáo đã kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành liên quan cũng như chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình một số nội dung liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Về phía HĐND tỉnh Quảng Bình, tuy không triển khai giám sát chuyên đề riêng về *“Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông - giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”* nhưng trong các cuộc giám sát về việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Thường trực HĐND tỉnh cũng đã chỉ đạo Ban Văn hóa-Xã hội quan tâm lồng ghép nội dung giám sát việc triển khai chương trình, SGK GDPT 2018[[3]](#footnote-3) để nắm bắt tình hình.

Ngoài các hoạt động trên, thông qua các buổi tiếp công dân, tiếp xúc cử tri trên địa bàn tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng, Đoàn ĐBQH tỉnh cũng như Thường trực HĐND tỉnh thường xuyên nắm bắt các thông tin liên quan đến việc thực hiện chương trình, SGK mới trên địa bàn, kịp thời kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết những vấn đề phát sinh hoặc còn vướng mắc, bất cập.

***2. Kết quả giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh[[4]](#footnote-4)***

***2. 1. Đánh giá việc triển khai Chương trình GDPT 2018***

*a) Đánh giá về chương trình*

Qua giám sát Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, các cơ quan, trường học cũng như dư luận Nhân dân địa phương đánh giá tích cực về chương trình GDPT mới, khẳng định chương trình đã có nhiều thay đổi phù hợp với yêu cầu đổi mới GDPT trong giai đoạn hiện nay và tương đối khả thi. Cụ thể:

*- Về tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới*: Việc xây dựng và ban hành Chương trình GDPT 2018 về cơ bản đã đáp ứng mục tiêu đổi mới GDPT theo quy định tại Nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 88 của Quốc hội. Chương trình đã cụ thể hóa việc đổi mới mục tiêu cơ bản của giáo dục từ tập trung vào trang bị kiến thức, kỹ năng sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, đảm bảo hài hoà giữa "dạy chữ", "dạy người" và định hướng nghề nghiệp. Chương trình tổng thể, chương trình chi tiết môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo tính liên thông, đã tinh giản các kiến thức hàn lâm, tăng tính thực hành và tăng nội dung thực tiễn, thể hiện được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

*- Về tính khả thi*: Chương trình GDPT 2018 được ban hành sớm, nội dung cụ thể nên công tác truyền thông và công tác tổ chức tập huấn cho đội ngũ nhà giáo được triển khai sớm, giúp cho nhà giáo chủ động tiếp cận dạy học theo chương trình mới, phụ huynh có sự tiếp cận sớm với thông tin nên đã có sự chuẩn bị khá tốt các điều kiện cho con em đến trường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở trường hiện nay được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu của chương trình.

Tuy nhiên, do bước đầu tiếp cận chương trình nên vẫn có một số khó khăn, vướng mắc, như:

- Một số môn như Khoa học tự nhiên, Lịch sử, Địa lý, Nghệ thuật của cấp THCS được tích hợp nên những năm đầu triển khai gặp khó khăn do giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng đủ điều kiện để giảng dạy[[5]](#footnote-5).

- Chương trình mới đòi hỏi sự tham gia hỗ trợ thường xuyên của gia đình vào quá trình học tập của học sinh nhưng đối với nhiều gia đình ở nông thôn, nhất là các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ phải đi làm ăn xa, các em ở với ông bà đã cao tuổi nên việc quan tâm hỗ trợ các em trong việc học tập có nhiều hạn chế, dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

- Một số nội dung của chương trình mang mục đích phát huy tính sáng tạo của học sinh, tính chủ động của giáo viên (như môn văn các cấp THCS); tuy nhiên, do còn mới lạ nên học sinh lúng túng, bỡ ngỡ trong việc thi cử[[6]](#footnote-6).

- Do áp lực về việc tinh giảm biên chế, nhiều trường học còn bố trí dạy chéo môn, đặc biệt những trường có quy mô nhỏ. Số lượng học sinh/lớp cao nên giáo viên gặp nhiều khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

*b) Về triển khai chương trình*

*- Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục:* Các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục đã tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT, đảm bảo cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan QLGD; được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát. Hiện tại, 100% cơ sở GDPT trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình các môn học/hoạt động giáo dục linh hoạt, phù hợp với tình hình địa phương, cơ sở.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên công tác triển khai bồi dưỡng đại trà cho cán bộ QLGD và giáo viên chủ yếu bằng hình thức trực tuyến với thời lượng ngắn, gấp rút, dẫn tới hiệu quả chưa cao. Đa số giáo viên chưa thể lĩnh hội, thấm nhuần tinh thần đổi mới, nắm vững phương pháp dạy học mới với cách thức và thời lượng tập huấn như trên. Mặt khác, do áp lực về thiếu biên chế giáo viên nên kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình phụ thuộc nhiều vào diễn biến tình hình giáo viên trong các cơ sở giáo dục.

- *Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá*

Các cơ sở giáo dục đã thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định**[[7]](#footnote-7)**; xây dựng kế hoạch kiểm tra,đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cầnđạt hoặc mức độ cần đạt của Chương trình GDPT; không kiểm tra, đánh giáđối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy chế ở khâu ra đề, khâu coi kiểm tra, chấm kiểm tra. Đồng thời đảm bảo công bằng, trung thực và khách quan trong việc đánh giá năng lực của học sinh.

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng tích cực, hiệu quả, đã chú trọng tới phẩm chất và năng lực của học sinh; được thực hiện theo sát toàn bộ quá trình học tập, kết hợp đánh giá ngay trên lớp với đánh giá thông qua nhận xét hay hồ sơ, thông qua sản phẩm thực hiện dự án và các bài thuyết trình, thông qua tổng kết cuối kỳ, cuối năm.

Tuy nhiên, sự am hiểu và năng lực áp dụng các kỹ thuật và phương pháp đánh giá mới của đội ngũ giáo viên còn hạn chế. Các hình thức đánh giá mới, hiện đại trong thời gian qua còn ít được sử dụng; hệ thống tài liệu, công cụ thi, kiểm tra, đánh giá để hỗ trợ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh chưa đầy đủ, thiếu tính hệ thống.

*- Việc đổi mới phương pháp dạy học*

Nhìn chung, Sở GDĐT và hệ thống cơ sở giáo dục ở địa phương đã tích cực chỉ đạo và triển khai việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Cụ thể, đã tổ chức tập huấn cho giáo viên các đơn vị trường học về xây dựng kế hoạch bài giảng. Mỗi bài giảng được xây dựng linh hoạt để có thể tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp hoặc phối hợp giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo phù hợp và hiệu quả. Chú trọng phát huy tính chủ động, tích cực tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động được thực hiện trên lớp và ngoài lớp học; việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong trường học; việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai chủ động và tích cực. Nhiều giáo viên đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo, áp dụng được nhiều kỹ thuật, phương pháp dạy học mới vào bài giảng, qua đó tạo sự lan toả cách dạy mới, dạy hay trong đội ngũ. Công tác giáo dục và rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh được chú trọng.

Bên cạnh đó, các đơn vị trường học đã chú trọng đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn; tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch bài dạy các môn học; tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua hoạt động giao lưu giữa các nhà trường, cụm trường.

Tuy vậy, việc đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả vẫn chưa cao; khả năng tự chủ, chủ động điều chỉnh trong xây dựng và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học còn hạn chế. Nguyên nhân một phần do hạn chế về cơ sở vật chất nên vẫn phổ biến tình trạng “dạy chay, học chay”; một phần do chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và năng lực của một bộ phận giáo viên một số trường còn hạn chế, chưa đáp ứng tinh thần đổi mới. Đặc biệt là do biên chế giáo viên không đủ nên các trường phải thực hiện dồn lớp dẫn tới tỉ lệ giáo viên/lớp không đảm bảo; mặt khác, phải bố trí giáo viên không đúng chuyên ngành, hoặc giáo viên kiêm nhiệm nhiều, phải chịu áp lực dạy vượt giờ nên kế hoạch dạy học không triển khai được như mong muốn làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng dạy và học.

*- Việc đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục*

Thời gian qua, tỉnh Quảng Bình đã tăng cường giao quyền tự chủ cho các đơn vị, chỉ đạo các cơ sở giáo dục chủ động, linh hoạt trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; song song với đó là củng cố kỷ cương, nền nếp trong dạy học, kiểm tra, đánh giá; đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lí và tổ chức các hoạt động giáo dục[[8]](#footnote-8).

Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục được các cơ sở giáo dục thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT, qua đó đảm bảo giảng dạy đúng và đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc. Bên cạnh đó, ngành giáo dục đã kịp thời tiến hành công tác thi đua khen thưởng, khuyến khích đội ngũ giáo viên, cán bộ QLGD chủ động viết và đưa tin, bài về kết quả hoạt động của ngành, các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ CBQL, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Việc thực hiện xã hội hóa giáo dục, tiếp nhận mọi nguồn lực tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường cũng được đẩy mạnh, bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch.

Tuy nhiên, quá trình triển khai cũng gặp nhiều khó khăn, bất cập, như: Tâm lý ngại đổi mới của một bộ phận giáo viên, đặc biệt đối với giáo viên lớn tuổi; tâm lý phụ huynh học sinh còn nặng về thành tích học tập, về điểm số, chưa chú trọng đến giáo dục kỹ năng sống, hành vi ứng xử, giao tiếp của học sinh; khả năng tự học của học sinh chưa được tốt. Bên cạnh đó, do cách đánh giá mới, nhiều học sinh và phụ huynh cảm nhận chương trình nặng, đối tượng học sinh trung bình gặp khó khăn để theo kịp chương trình.

Nhìn chung, công tác triển khai Chương trình GDPT 2018 đã được các cấp, các ngành ở Quảng Bình triển khai theo đúng quy định, quá trình triển khai được thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Dù vẫn còn một số khó khăn, bất cập nhưng về cơ bản đã triển khai đảm bảo tiến độ và bước đầu cho thấy những kết quả chuyển biến nhất định cả về chất lượng và hiệu quả.

***2.2. Đánh giá SGK GDPT và việc xây dựng tài liệu giáo dục của địa phương***

*a) Đánh giá về SGK*

- Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông *(tính phù hợp, về mục tiêu, yêu cầu)*:

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, các địa phương, nhất là các trường học đánh giá khá cao về chất lượng SGK mới. Nhiều ý kiến khẳng định nội dung SGK mới có nhiều ưu điểm nổi bật, được thiết kế khoa học và phù hợp với đối tượng học sinh. Các ví dụ minh họa, các dẫn liệu về kinh tế, văn hóa, xã hội, thiên nhiên, con người thể hiện sự đa dạng về vùng miền; sự tương đồng về các nét văn hóa của các dân tộc, sự gần gũi về phong tục tập quán trên mỗi địa bàn. Nội dung có sự phân hóa, sắp xếp theo trật tự chủ đề, cách dẫn dắt học sinh khám phá cái mới, cách tổ chức dạy học để tạo hứng thú cho học sinh. Các bộ sách đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình GDPT tổng thể, phù hợp, cùng hướng tới mục đích cần đạt theo thông điệp của từng bộ sách. Các bài học trong SGK tạo điều kiện cho giáo viên vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh.

Tuy nhiên, do SGK theo Chương trình GDPT 2018 không biên soạn theo tiết như trước đây mà biên soạn theo chủ đề, mạch kiến thức, đòi hỏi CBQL, mà đặc biệt giáo viên phải nắm vững chương trình, SGK, đặc điểm của học sinh tại trường của mình để xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể, phù hợp với đối tượng nên CBQL và giáo viên một số trường chưa tự tin và có sự lúng túng khi thực hiện.

Bên cạnh đó, về nội dung SGK vẫn còn một số hạn chế đối với từng cấp học, môn học *(xem chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).*

Ngoài ra, do chương trình, SGK GDPT được áp dụng khi chưa chuẩn bị kỹ lưỡng các điều kiện về đội ngũ, cơ chế, tình trạng nhiều học sinh lựa chọn một số môn học nhất định nên các cơ sở giáo dục không thể bố trí được giáo viên; một số môn năng khiếu như âm nhạc, mỹ thuật, ngoại ngữ, nhà trường không có giáo viên để đáp ứng yêu cầu của học sinh, cũng chưa có cơ chế phù hợp để hợp đồng, phối hợp với các đơn vị, cơ quan, tổ chức có dịch vụ này; từ đó dẫn đến tình trạng nhà trường phải vận động học sinh lựa chọn những môn học không đúng với nguyện vọng. Một số môn học chưa thống nhất trong cách tiếp cận nên hệ thống kiến thức chưa chuẩn[[9]](#footnote-9).

- Về sự phù hợp của giá sách giáo khoa đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân

Các bộ SGK có giá bìa cụ thể như bộ SGK lớp 1 từ 179.000 đồng/bộ đến 199.000 đồng/bộ, bộ SGK lớp 2 từ 179.000 đồng/bộ đến 186.000 đồng/bộ (chưa bao gồm sách tiếng Anh), bộ SGK lớp 3 từ 177.000 đồng/bộ đến 183.000 đồng/ bộ (chưa bao gồm sách tiếng Anh); bộ SGK lớp 6 từ 234.000 đồng/bộ đến 245.000 đồng/bộ (chưa bao gồm sách tiếng Anh), bộ SGK lớp 7 từ 208.000 đồng/bộ đến 209.000 đồng/bộ (chưa bao gồm sách tiếng Anh); bộ SGK lớp 10 từ 246.000 đồng/bộ đến 301.000 đồng/bộ (tuỳ thuộc tổ hợp môn học và chuyên đề học tập mà học sinh lựa chọn).

Qua giám sát cho thấy, nhìn chung, giá SGK như trên cơ bản phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân ở các vùng đồng bằng, đô thị. Song, mức giá này tương đối cao đối với học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vì vậy cần có chính sách miễn giảm hoặc hỗ trợ kịp thời phù hợp với từng nhóm đối tượng.

*b) Việc lựa chọn SGK*

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND tỉnh Quảng Bình đã thành lập các hội đồng lựa chọn SGK cấp tỉnh, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc đề xuất lựa chọn và lựa chọn SGK theo quy định[[10]](#footnote-10).

Quá trình lựa chọn SGK gặp nhiều thuận lợi do hệ thống văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT cụ thể, rõ ràng. Ngay sau khi Bộ GDĐT công bố danh mục sách, bản PDF của các bộ SGK được các nhà xuất bản (NXB) đăng tải công khai, tạo thuận lợi cho giáo viên tìm hiểu, tham khảo, nghiên cứu các bộ sách theo môn học phụ trách; đồng thời, tạo điều kiện để UBND tỉnh nghiên cứu ban hành các tiêu chí cụ thể lựa chọn SGK trong các cơ sở GDPT làm cơ sở cho việc lựa chọn SGK của các cơ sở giáo dục. Việc đề xuất lựa chọn SGK tại các cơ sở giáo dục được triển khai đồng bộ, công khai, minh bạch đúng quy định; quá trình thực hiện cơ bản đúng tiến độ thời gian, đảm bảo quy trình, khách quan, kỹ lưỡng. Ý kiến của giáo viên, quyết định đề xuất lựa chọn SGK của các tổ chuyên môn được tôn trọng. Thành viên các hội đồng lựa chọn SGK cấp tỉnh là những giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy, nhiệt tình, có trách nhiệm… Nhờ vậy, danh mục sách được UBND tỉnh phê duyệt kịp thời, đáp ứng được với yêu cầu của người dạy và người học.

Tuy vậy, quá trình lựa chọn SGK vẫn còn một số khó khăn, bất cập, như:

+ Việc lựa chọn SGK lớp 1 được triển khai tại các cơ sở giáo dục và do người đứng đầu cơ sở giáo dục đó quyết định lựa chọn sử dụng danh mục SGK (mỗi đơn vị lựa chọn 01 danh mục SGK) gây khó khăn trong việc sinh hoạt chuyên môn liên trường, cụm trường.

+ Danh mục SGK do Bộ GDĐT phê duyệt được công bố chậm, nhiều đợt, có đính chính dẫn đến khó khăn cho cơ sở thực hiện.

+ Một số NXB thiếu chủ động phối hợp với Sở GDĐT trong tổ chức Hội thảo về SGK; khi số lượng SGK được lựa chọn ít, NXB không mặn mà tổ chức các hội thảo, tập huấn khiến cho các trường bị động, không được tập huấn kỹ càng, ảnh hưởng đến nội dung triển khai các bộ sách.

+ Kinh phí hỗ trợ cho giáo viên tham gia góp ý SGK không có, kinh phí chi cho hoạt động của các hội đồng lựa chọn SGK chưa được hướng dẫn kịp thời ảnh hưởng đến quyền lợi của giáo viên và các thành viên lựa chọn SGK cấp tỉnh.

+ Thời gian qua, tỉnh đã đẩy mạnh công tác xã hội hóa để hỗ trợ mua SGK cho các em có hoàn cảnh khó khăn; các địa phương và nhà trường đã bước đầu hình thành các tủ sách dùng chung, quyên góp tái sử dụng. Tuy nhiên, do chưa có cơ chế xã hội hóa phù hợp nên chưa huy động được nguồn lực xứng tầm phục vụ cho công tác giáo dục, bù đắp những lỗ hổng mà ngân sách công chưa phủ hết, nhất là xã hội hóa SGK.

*c)**Việc phát hành SGK, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...)*

UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo Sở GDĐT tổng hợp, cung cấp đầy đủ số lượng học sinh và nhu cầu của các trường cho các NXB để chủ động in ấn, phát hành. Theo đó, việc phát hành SGK và tài liệu tham khảo trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

Tuy nhiên, một số bộ sách trên thị trường khá khan hiếm nên gây khó khăn cho việc tìm mua, đặc biệt là đối với các học sinh chuyển trường trong năm học giữa các trường không cùng bộ sách. Các bộ sách theo chương trình cũ của các lớp chưa thực hiện chương trình đổi mới đôi lúc cũng xảy ra tình trạng khan hiếm cục bộ. Trước tình trạng trên, tủ sách dùng chung của các trường đã phát huy tác dụng là giải pháp tình thế để học sinh có tài liệu học tập.

*d)**Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục của địa phương*

Việc xây dựng, biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đã được triển khai ngay sau khi có hướng dẫn và định hướng của Bộ GDĐT[[11]](#footnote-11). Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Bình được UBND tỉnh giao Sở GDĐT chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và hợp tác với Công ty cổ phần Đào tạo và Phát triển (ĐT&PT) giáo dục Đà Nẵng (đơn vị được Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ủy quyền) xây dựng, biên soạn theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT, tương thích với Chương trình GDPT 2018, được Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định, Hội đồng tư vấn của Bộ GDĐT góp ý và được Bộ GDĐT phê duyệt.

Tuy nhiên, qua giám sát Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, việc xây dựng, biên soạn tài liệu giáo dục của địa phương tuy kịp thời nhưng do phải qua Hội đồng tư vấn của Bộ GDĐT góp ý và chờ được phê duyệt của Bộ GDĐT nên dẫn tới chậm trễ trong việc đưa vào sử dụng. Mặt khác, bộ tài liệu này mặc dù đã được Bộ GDĐT phê duyệt và tỉnh đã tổ chức tập huấn nhưng đến nay vẫn chưa được in thành sách nên các trường đang tạm đưa bản mềm vào sử dụng đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10. Nguyên nhân của việc chậm in ấn, phát hành là do thực hiện yêu cầu tại Công văn số 6220/BGDĐT-KHTC ngày 25/11/2022 của Bộ GDĐT, việc in ấn phát hành cần thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Xuất bản, Luật giá và các quy định khác có liên quan nên địa phương đang gặp một số vướng mắc về mặt thủ tục in ấn, xuất bản, phát hành[[12]](#footnote-12).

***2.3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình GDPT 2018***

*a) Về đội ngũ nhà giáo*

- Số lượng giáo viên cơ bản đảm bảo đủ theo định mức quy định của Bộ GDĐT để triển khai chương trình mới. Tính đến năm học 2021-2022, có 9.515 cán bộ, giáo viên của cấp tiểu học, THCS và THPT, gồm quản lý và giáo viên phổ thông công lập, ngoài công lập. Trong đó: cấp Tiểu học có 4.694, cấp THCS có 3.126 và 1.695 cấp THPT. Trong năm học 2021-2022, toàn tỉnh thiếu 826 CBQL và giáo viên, trong đó cấp Tiểu học thiếu 529, cấp THCS thiếu 169 và cấp THPT thiếu 128.

- Chất lượng *(chuẩn trình độ, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018)*:

+ Trước khi Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực, 100% CBQL, giáo viên nhân viên ngành GDĐT tỉnh Quảng Bình đạt chuẩn trở lên, trong đó tỷ lệ trên chuẩn rất cao; đội ngũ cơ bản đảm bảo về số lượng, cơ cấu bộ môn, có năng lực chuyên môn, ham học hỏi, tâm huyết với nghề, có ý thức tự học tự bồi dưỡng, đáp ứng được yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Hiện tại, ngành GDĐT tỉnh Quảng Bình có 674 nhà giáo và CBQL chưa đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục mới[[13]](#footnote-13).

+ UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành kế hoạch về lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được tiến hành trong 10 năm[[14]](#footnote-14). Trong năm 2021, có 25/50 giáo viên tham gia nâng chuẩn theo Kế hoạch (đạt tỉ lệ 50%). Năm 2022, có 40/67 giáo viên tham gia nâng chuẩn theo Kế hoạch (đạt tỉ lệ 59,7%).

Nhìn chung, ngành giáo dục và các cấp, các ngành liên quan đã xây dựng phương án và có giải pháp bố trí, sắp xếp, điều tiết, phân công nhiệm vụ cho giáo viên hợp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên yên tâm tham gia đào tạo; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về lương, phụ cấp và các chính sách hiện hành cho giáo viên theo đúng quy định.

Tuy nhiên, tỉ lệ giáo viên tham gia nâng chuẩn trình độ được đào tạo theo các kế hoạch hằng năm còn thấp, do số giáo viên tham gia chưa đủ để cơ sở đào tạo tại địa phương mở lớp và do giáo viên chưa khắc phục, sắp xếp được điều kiện hoàn cảnh gia đình. Mặt khác, cũng do chưa có giáo viên được đào tạo giảng dạy bài bản các môn tích hợp nên nhiều trường vận động giáo viên đi học thêm các chứng chỉ bồi dưỡng, các khóa đào tạo để đảm bảo việc dạy các môn này và giải quyết tình trạng thiếu giáo viên. Trên thực tế, đây chỉ là hình thức ứng phó tạm thời và không thể đảm bảo chất lượng giáo dục theo Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là với các môn học mang tính chuyên biệt như Mỹ thuật, Âm nhạc...

- Về tuyển dụng:

+ Công tác tuyển dụng giáo viên được quan tâm, chất lượng công tác tuyển dụng được nâng lên. Các đợt tuyển dụng đảm bảo tính công khai, khách quan, dân chủ và công bằng. Hàng năm, Sở GDĐT, Sở Nội vụ và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyển dụng với các hình thức: xét tuyển viên chức và xét tuyển đặc cách viên chức[[15]](#footnote-15).

Từ năm 2021 đến nay, thực hiện lộ trình tinh giản biên chế nên Sở GD&ĐT và các địa phương không được giao thêm biên chế để tuyển dụng giáo viên phổ thông, đặc biệt là giáo viên dạy các môn học mới trong Chương trình GDPT 2018.

Nhìn chung, công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động được UBND tỉnh chỉ đạo Sở GD&ĐT phối hợp với các ngành chức năng tiến hành nhằm đảm bảo phục vụ cho công tác dạy học. Tuy nhiên, công tác tuyển dụng giáo viên cũng gặp nhiều khó khăn đối với các huyện xa trung tâm thành phố; đặc biệt là, một số môn học mới không được tuyển giáo viên do không có biên chế.

- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình GDPT 2018.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GDĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục chủ động bố trí giáo viên giảng dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình GDPT 2018 linh hoạt, phù hợp với thực tiễn của đơn vị. Tuy nhiên, do không có biên chế, các trường phải tiến hành hợp đồng giáo viên dạy bộ môn Tin học và Ngoại ngữ[[16]](#footnote-16), đồng thời có kế hoạch rà soát biên chế từ năm học 2021-2022 để tuyển dụng giáo viên dạy hai bộ môn mới Âm nhạc và Mỹ thuật. Hiện nay, việc bố trí giáo viên tích hợp gặp nhiều khó khăn do hầu hết giáo viên dạy đơn môn nay chuyển qua dạy liên môn, tích hợp nên các giải pháp bố trí các giáo viên luân phiên, điều này khiến việc tích hợp mang tính cơ học, việc bố trí dạy theo hình thức một môn nhiều giáo viên cũng chỉ mang tính tạm thời do không đủ giáo viên để bố trí. Về lâu dài, việc tiếp tục thực hiện lộ trình tinh giản biên chế, đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản cho các môn tích hợp chưa được tuyển mới thì việc đảm bảo chất lượng giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 là khó khả thi.

*b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

- Về cơ sở vật chất:

Qua giám sát Đoàn ĐBQH nhận thấy, dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng tỉnh Quảng Bình đã quan tâm tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành giáo dục nhằm đáp ứng công tác dạy và học, các khối phòng học, phòng bộ môn và khối phòng chức năng tương đối đáp ứng thực hiện đổi mới Chương trình GDPT 2018[[17]](#footnote-17).

- Về trang thiết bị dạy học:

Công tác mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu được tỉnh tích cực triển khai nhằm phục vụ cho công tác dạy và học. Bên cạnh việc mua sắm mới, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các trường rà soát, đối chiếu các trang thiết bị, đồng thời tận dụng các trang thiết bị đã được trang bị theo chương trình trước đây, nếu đáp ứng nhu cầu sẽ tiếp tục đưa vào giảng dạy.

Tuy nhiên, mặc dù đã có sự cố gắng trong việc đầu tư mua sắm song do nguồn kinh phí có hạn nên còn thiếu thiết bị, nhiều thiết bị đã cũ, không còn phù hợp với yêu cầu dạy học nhưng vẫn phải tiếp tục sử dụng[[18]](#footnote-18). Tỷ lệ đáp ứng về trang thiết bị dạy học ở cấp THCS và cấp THPT còn thấp, chỉ mới đạt 66% và 67% so với yêu cầu thực tế[[19]](#footnote-19).

***2.4. Đánh giá về kinh phí thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT***

Thực hiện Nghị quyết 88 và Nghị quyết 51 của Quốc hội, tỉnh đã bố trí kinh phí giành cho ngành giáo dục để triển khai chương trình GDPT mới, kinh phí lồng ghép trong các chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt[[20]](#footnote-20).

Việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình GDPT 2018, kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đã được tỉnh quan tâm. Kinh phí bố trí đến thời điểm hiện tại gồm: Kinh phí đổi mới chương trình SGK GDPT 2018 là 33,7 tỷ đồng[[21]](#footnote-21); kinh phí thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025” được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 (Đề án 117) là 48,2 tỷ đồng *(xem chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm).*

Ngoài ra, ngân sách nhà nước thực hiện các Đề án trên phạm vi địa bàn liên quan đến đổi mới chương trình, SGK GDPT được lồng ghép, tích hợp, sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Tỉnh đã quan tâm việc ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn ...

Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước còn có nguồn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn xã hội hóa khác của các địa phương[[22]](#footnote-22). Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện huy động nguồn lực tài chính, nhân lực từ các tổ chức, cá nhân tài trợ, viện trợ đảm bảo đúng nguyên tắc và quy trình được quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dântrên tinh thần tự nguyện, không ép buộc, không quy định mức. Các nhà tài trợ không ràng buộc điều kiện đối với bên thụ hưởng và khai thác lợi ích bên thụ hưởng... Các đơn vị được thụ hưởng tài trợ đã sử dụng đúng mục đích và công khai minh bạch. Các cơ sở ngoài công lập hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi; thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác có liên quan...

Nhìn chung, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng tỉnh luôn giành nguồn ngân sách đáng kể, áp dụng nhiều cơ chế để đầu tư cho giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo của tỉnh góp phần thực hiện thành công chương trình GDPT mới. Tuy nhiên, hiện nay, trước sức ép của việc tinh giản biên chế và cơ chế trả lương cho giáo viên hợp đồng, các cơ sở giáo dục mong muốn có cơ chế xã hội hóa phù hợp để huy động nguồn lực của xã hội vào việc trả lương cho giáo viên, đảm bảo tỉ lệ giáo viên/ lớp, đảm bảo chất lượng giáo viên dạy các môn tích hợp.

**III. Đánh giá chung**

***1. Đánh giá những ưu điểm và hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK GDPT***

***1.1. Ưu điểm***

Việc triển khai đổi mới chương trình, SGK GDPT được tỉnh Quảng Bình quan tâm thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết 88 và Nghị quyết 51 của Quốc hội; tuân thủ các văn bản chỉ đạo, quy định, hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình. UBND tỉnh, Sở GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kịp thời, giúp cho các địa phương triển khai có hiệu quả Chương trình GDPT 2018. Công tác truyền thông được tiến hành sâu, rộng và đa dạng với nhiều hình thức khác nhau nhằm tạo sự đồng thuận của xã hội.

Đặc biệt, ngành giáo dục của tỉnh Quảng Bình đã có sự chuẩn bị tốt trong việc triển khai chương trình mới trên địa bàn toàn tỉnh, thường xuyên bám sát cơ sở, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình thực hiện, qua đó giúp việc triển khai chương trình GDPT mới đạt kết quả khả quan. Công tác triển khai lựa chọn SGK được tiến hành nghiêm túc, công khai và minh bạch theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT và của UBND tỉnh về các tiêu chí lựa chọn SGK. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, tư vấn các cơ sở GDPT trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai linh hoạt, phù hợp thực tế địa phương, đúng theo tinh thần đổi mới.

Công tác xã hội hóa đã được các địa phương trong tỉnh quan tâm chú trọng, đã có nhiều tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ, giúp đỡ về kinh phí phục vụ mua sắm SGK cho các em có hoàn cảnh khó khăn có thể đến trường.

Đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh có tỷ lệ đạt chuẩn cao, được tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, nắm bắt cơ bản các kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho dạy học; đây là nền tảng quan trọng giúp việc tiếp nhận phương pháp giảng dạy, cách thức giảng dạy của chương trình GDPT mới tốt hơn.

***1.2. Khó khăn***

*- Công tác triển khai*

Việc triển khai chương trình giáo dục mới một số nội dung vẫn còn lúng túng, bị động nhất là việc chuẩn bị cho các môn học tích hợp, môn tự chọn. Công tác tập huấn cho đội ngũ giáo viên làm công tác giảng dạy còn ít, chủ yếu là giới thiệu sách, chưa có nhiều buổi tập huấn về phương pháp giảng dạy làm cho giáo viên còn khó khăn khi giảng dạy.

Công tác tuyên truyền chưa có nhiều đổi mới, nhất là công tác tuyên truyền cho chính đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiểu và nắm bắt toàn diện về chương trình mới, sách giao khoa mới, phương pháp giảng dạy mới dẫn đến một số giáo viên vẫn theo tư duy của chương trình cũ, nặng về truyền đạt, thiếu tính chủ động và ứng dụng.

Công tác tham mưu với Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thị xã, thành phố của một số phòng GDĐT trong xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch chưa hiệu quả.

*- Về sách giáo khoa*

Còn có sự chồng chéo trong việc lựa chọn SGK giữa nhà trường và Sở GDĐT dẫn đến một số trường phải chọn lại sách khi bộ sách được trường chọn không trùng với sách của Hội đồng chọn sách của Sở GDĐT lựa chọn, gây lãng phí công sức nghiên cứu, lựa chọn của giáo viên các trường.

Chương trình GDPT 2018 thể hiện quan điểm giáo dục mới, tiến bộ; tuy nhiên, nhiều nội dung nặng, khó triển khai đạt chất lượng tốt do không đủ điều kiện về giáo viên/lớp; lớp học đông, cơ sở vật chất, điều kiện triển khai thực tế thiếu (nhất là các hoạt động trải nghiệm, đòi hỏi phải di chuyển). Nhiều nội dung chưa thực sự phù hợp trình độ học sinh, đặc biệt là học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi; Nhiều nội dung dàn trải chưa thực sự hiệu quả so với chương trình cũ (*như đã phân tích cụ thể ở trên).*

Vẫn còn nhiều đầu sách trong một bậc học và giữa các bậc học với nhau chưa tạo được sự liên thông trong quá trình giảng dạy.

*- Về đội ngũ giáo viên*

Tỷ lệ giáo viên còn thấp chưa đảm bảo cho các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (đối với cấp tiểu học); cơ cấu và bố trí đội ngũ, phân công giáo viên một số địa phương, đơn vị chưa hợp lý, thiếu giáo viên so với định mức. Chưa có giáo viên dạy các môn tích hợp, liên môn dẫn đến nhiều giáo viên phải dạy chung một môn học nên chưa phát huy được hiệu quả của môn học. Các giáo viên chủ yếu chỉ được đào tạo đơn môn, nay phải chuyển qua dạy liên môn nên còn nhiều lúng túng. Công tác đào tạo, đào tạo lại chưa được triển khai kịp thời đối với các giáo viên dạy liên môn, tích hợp gây khó khăn cho các giáo viên và nhà trường trong phân công giảng dạy.

Trình độ, kỹ năng khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận công nghệ mới trong quản lý và dạy học ở một số CBQL, giáo viên còn hạn chế; cán bộ phụ trách công nghệ thông tin ở các phòng GDĐT còn thiếu, đa số kiêm nhiệm; việc hợp đồng giáo viên giảng dạy một số môn như Tin học, tiếng Anh (lớp 3) gặp nhiều khó khăn.

*- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị*

Cơ sở vật chất, phòng học bộ môn, phòng học chức năng tại một số trường còn thiếu, thiết bị dạy học lớp 4, lớp 7 và lớp 10 chưa được trang bị kịp thời gây khó khăn trong quá trình tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

Ở một số địa phương, đơn vị, tiến độ tu sửa cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan môi trường, xây dựng, sửa chữa công trình vệ sinh còn chậm; một số nơi thiếu công trình vệ sinh hoặc xuống cấp, thiết kế không hiệu quả, ý thức bảo quản, sử dụng của học sinh chưa tốt.

Số lượng các phòng học cũ bị xuống cấp, hư hỏng do thiên tai hàng năm vẫn còn nhiều trong khi việc đầu tư xây dựng các phòng học mới phục vụ cho chương trình GDPT mới trên địa bàn toàn tỉnh cần nguồn kinh phí rất lớn.

***1.3. Nguyên nhân***

***- Nguyên nhân thành tựu, ưu điểm:***

+ Chính phủ đã có sự chỉ đạo kịp thời, Bộ GDĐT đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn chi tiết về khung chương trình các môn học từ lớp 1 đến lớp 12; tổ chức các lớp tập huấn cho CBQL, giáo viên cốt cán các môn các cấp học về chương trình GDPT tổng thể.

+ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình đã có sự quan tâm sát sao đến phát triển GDĐT, đã ban hành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phát triển GDĐT theo hướng thực chất và bền vững; chú trọng chỉ đạo thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT đạt chất lượng, hiệu quả.

+ Các sở, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp huyện, xã quan tâm đầu tư cho ngành giáo dục, tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, chủ động chuẩn bị tốt các điều kiện đổi mới chương trình, SGK GDPT.

+ Đội ngũ nhà giáo và CBQL toàn ngành đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm, sáng tạo, nỗ lực tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Việc đổi mới chương trình, SGK GDPT tạo được sự đồng thuận của xã hội, được đông đảo Nhân dân, nhất là các bậc phụ huynh tích cực hưởng ứng, ủng hộ.

***- Nguyên nhân khó khăn, hạn chế:***

+ Dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai chương trình GDPT mới, nhất là công tác tập huấn, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

+ Nguồn lực để thực hiện chương trình, SGK mới vẫn còn thiếu, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ cho địa phương còn hạn chế, trong khi nguồn ngân sách địa phương đang còn gặp nhiều khó khăn nên chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

+ Hiện tại các trường Đại học Sư phạm chưa có chương trình đào tạo giáo viên giảng dạy các môn tích hợp, liên môn, vì vậy công tác tuyển dụng giáo viên giảng dạy các môn này rất khó khăn vì không có nguồn.

+ Kể cả khi có nguồn giáo viên giảng dạy các môn tích hợp, liên môn cũng rất khó khăn trong việc tuyển dụng do không có biên chế để tuyển mới. Quảng Bình hiện đang thiếu rất nhiều giáo viên do cắt giảm biên chế theo lộ trình. Toàn tỉnh tỷ lệ cắt giảm trên 8,8% so với định mức quy định của Bộ GDĐT tại Thông tư số 16/2017/TTLT-BGDĐT-BNV (đối với TH và THCS). Việc vừa phải cắt giảm số lượng tối thiếu 10% theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế nhưng vẫn phải đảm bảo định mức theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ đã ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và đổi mới chương trình, SGK.

+ Theo quy trình, hàng năm UBND tỉnh giao chỉ tiêu biên chế cho ngành giáo dục vào đầu năm ngân sách, trong khi đó thời gian bắt đầu năm học mới thường bắt đầu từ giữa tháng 8 nên các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch năm học và bố trí giáo viên, nhất là trong bối cảnh thiếu biên chế.

+ Chính sách đãi ngộ đối với giáo viên giảng dạy tại các vùng sâu, vùng xa vẫn còn bất cập, hạn chế nên chưa thu hút được giáo viên về công tác tại những địa bàn này. Chưa có cơ chế hợp đồng giáo viên từ ngân sách nhà nước nên không có cơ sở để trả lương cho giáo viên hợp đồng một số môn như Tin học, tiếng Anh (lớp 3).

+ Việc cùng lúc thực hiện 2 chương trình cũ và mới khác nhau dẫn đến việc nhà trường và giáo viên gặp nhiều khó khăn trong công tác giảng dạy cũng như xây dựng kế hoạch phục vụ giảng dạy.

**2. Trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, địa phương trong việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK GDPT**

***2.1. Các cơ quan Trung ương***

Qua giám sát Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy, thời gian qua các cơ quan Trung ương như Chính phủ và Bộ GDĐT đã chú trọng rà soát, điều chỉnh kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT theo các Nghị quyết của Quốc hội; phê duyệt, ban hành Chương trình GDPT mới bảo đảm yêu cầu giảm tải, khoa học, thiết thực, khả thi góp phần đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; khuyến khích các tổ chức, cá nhân biên soạn SGK theo Chương trình GDPT mới; tổ chức thẩm định, phê duyệt SGK để các cơ sở GDPT lựa chọn sử dụng trong nhà trường.

Quan tâm xây dựng chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng trường phổ thông; chú trọng rà soát, đánh giá năng lực của giáo viên và CBQL giáo dục theo chuẩn; đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục, phát triển các khóa, tài liệu bồi dưỡng để thực hiện Chương trình GDPT mới; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đào tạo, bồi dưỡng, quản lý giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong cả nước; tăng cường chỉ đạo các cơ sở đào tạo giáo viên chủ động phối hợp với các địa phương để đào tạo, bồi dưỡng CBQL và giáo viên.

***2.2. Trách nhiệm của các cơ quan địa phương***

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình đã quan tâm chỉ đạo sâu sát ngành giáo dục phối hợp với các sở ngành liên quan, chính quyền địa phương các cấp tổ chức triển khai thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT phù hợp theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học, cấp học; chủ động xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ và phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình, SGK GDPT; tổ chức rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở GDPT theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Quan tâm bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép có hiệu quả và sử dụng đúng mục đích nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án; huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chương trình, SGK GDPT.

Đẩy mạnh truyền thông về đổi mới chương trình, SGK GDPT tại địa phương; biểu dương kịp thời gương người tốt, việc tốt trong thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT; đồng thời, tăng cường tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện, hàng năm.

Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra đối với các cơ quan Trung ương và địa phương là cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông rộng rãi trong xã hội về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT để tạo sự thống nhất, đồng thuận của toàn xã hội trong việc chung tay thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT 2018; đặc biệt là có sự thống nhất về quan điểm, trách nhiệm để phối hợp chặt chẽ các hoạt đông, tạo điều kiện cho việc triển khai chương trình SGK GDPT đúng lộ trình, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

**3. Những bài học kinh nghiệm rút ra trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK GDPT**

Qua giám sát, tiếp nhận các thông tin từ các cơ quan, tổ chức, trường học và các cá nhân, nhất là đội ngũ giáo viên và cán bộ QLGD, cũng như qua thăm dò dự luận của cử tri và Nhân dân, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình nhận thấy cần phải rút ra một số bài học kinh nghiệm để triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK GDPT; cụ thể như sau:

*Một là:* Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung vào GDPT; đẩy mạnh công tác truyền thông, trong đó cần xác định rõ trọng tâm, trọng điểm nội dung tuyên truyền theo lộ trình triển khai Chương trình GDPT 2018 và thường xuyên tăng cường triển khai thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018, qua đó tạo sự thống nhất quan điểm, nhận thức, huy động sự vào cuộc đồng bộ của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu, nhiệm vụ chung.

*Hai là:* Cần chú trọng triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng tinh thần nội dung các văn bản chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng kế hoạch đổi mới chương trình SGK GDPT; tuy nhiên, quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch cần chủ động, linh hoạt theo tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, nhà trường và học sinh.

*Ba là:* Cần có nguồn lực về tài chính đủ mạnh để tập trung đầu tư cho giáo dục, nhất là đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất của các nhà trường đầy đủ, đồng bộ và mang tính định hướng lâu dài. Tuy nhiên, cũng cần phải tiếp tục tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học đáp ứng được công tác giảng dạy phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của địa phương trong bối cảnh còn nhiều khó khăn.

*Bốn là:* Cần đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, nhất là kế hoạch đổi mới chương trình SGK GDPT, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

*Năm là:* Muốn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thì cần có nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ; vì vậy, cần có biện pháp, giải pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn về biên chế giáo viên, tạo điều kiện cho các trường học có đủ giáo viên đứng lớp theo quy định.

**PHẦN II**

**GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

**1. Giải pháp**

Qua thực tiễn hoạt động giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình đề xuất một số giải pháp để triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới chương trình SGK GDPT như sau:

***1.1. Nhóm giải pháp về xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát thực hiện***

- Cần sớm rà soát, nghiên cứu xây dựng các chính sách mang tầm quốc gia về hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

- Cần nghiên cứu để có quy định chính sách hợp lý về tinh giản biên chế trong ngành giáo dục để không giảm cơ học 10% biên chế hàng năm đối với giáo viên nhằm đảm bảo đủ giáo viên đứng lớp theo quy định, để tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa chủ trương của Đảng, quy định, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Quan tâm hoàn thiện các quy định pháp luật về bổ nhiệm, xếp lương giáo viên GDPT và có chính sách hỗ trợ thích đáng để thu hút các giáo viên giảng dạy tại các địa bàn xa trung tâm đô thị, các vùng sâu, vùng xa nhằm đảm bảo đời sống của giáo viên, giúp giáo viên an tâm công tác, cống hiến.

- Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, MTTQVN các cấp trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

***1.2. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018***

- Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục. Đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch; tăng cường thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy vai trò và tiếng nói của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường.

- Thu thập dư luận xã hội, khảo sát ý kiến đội ngũ giáo viên để kịp thời điều chỉnh hoàn chỉnh những điểm chưa hợp lý của Chương trình, SGK GDPT 2018; ban hành bộ công cụ mẫu hướng dẫn giáo viên triển khai các bộ sách hiệu quả nhằm tránh tình trạng lúng túng của giáo viên, rút ngắn khoảng cách giáo dục giữa thành thị và nông thôn...

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học trực tuyến và trong công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục.

- Nâng cao hơn nữa tinh thần sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

***1.3. Nhóm giải pháp về đầu tư các nguồn lực cho công tác bảo đảm chất lượng GDPT***

- Tập trung nguồn lực, lồng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, đề án về tăng cường cơ sở vật chất để đủ phòng học theo lộ trình thực hiện SGK mới. Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng (giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, tin học, ngoại ngữ, thiết bị giáo dục…), phòng thư viện. Mua sắm bổ sung máy tính, bộ thiết bị phòng học ngoại ngữ, bộ thiết bị dạy học tối thiểu.

- Không ngừng bồi dưỡng nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ giáo viên và cán bộ QLGD; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đảm bảo yêu cầu về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo lộ trình thực hiện; chỉ đạo các địa phương chủ động trong việc phối hợp với các Trường Sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng các giáo viên đang dạy đơn môn chuyển qua dạy liên môn.

- Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn trong các trường học; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, xây dựng các hoạt động dạy học định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Tổ chức chuyên đề, hội thảo chuyên môn; triển khai thực hiện, tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, chú trọng giáo dục STEM. Khuyến khích các trường học, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá; đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục.

- Tiếp tục đẩy mạnh, ban hành cơ chế xã hội hoá giáo dục phù hợp nhằm huy động các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực GDĐT.

**2. Kiến nghị**

Qua giám sát, Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình tổng hợp và chuyển tải các kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu xem xét trả lời, giải quyết hoặc quan tâm triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

***2.1. Đối với Quốc hội***

Đề nghị Quốc hội sớm ban hành Luật Nhà giáo để áp dụng thực hiện; trong đó cần chú trọng có quy định về chính sách đặc thù cho đối tượng nhà giáo (công lập - tư thục) để phù hợp nghề nghiệp đặc thù; luật hóa các chính sách nhà giáo có tính đặc thù nghề nghiệp, tạo khung pháp lý cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực giáo dục. Trong thời gian Luật Nhà giáo chưa được ban hành, cần nghiên cứu ban hành Nghị quyết để giải quyết nhu cầu thiếu biên chế giáo viên như hiện nay nhằm đảm bảo điều kiện thực tế cho việc đảm bảo thực hiện được các quy chuẩn về tỉ lệ giáo viên/lớp và đảm bảo yêu cầu của việc đổi mới chương trình, SGK GDPT.

***2.2. Đối với Chính phủ***

-Đề nghị Chính phủ xem xét tình hình thực tế ở các địa phương để giao biên chế đối với ngành giáo dục theo định mức phù hợp, đảm bảo các hoạt động dạy, học, tránh việc cào bằng như hiện nay.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi các quy định, hướng dẫn liên quan cho phù hợp tình hình thực tế. Cụ thể:

+ Trong thời gian tới, nếu phải cắt giảm số lượng tối thiểu 10 % theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế thì sẽ khó đảm bảo định mức theo quy định tại *Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập*. Chính vì thế, đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ và Bộ GDĐT kịp thời thay thế Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 16/2017/TTLT-BGDĐT-BNV quy định về định mức và số lượng người làm việc trong các trường mầm non, phổ thông nhằm phù hợp với tình hình thực tế hoạt động dạy học ở các trường học hiện nay đảm bảo định mức giáo viên/lớp; học sinh/lớp cho phù hợp Luật Giáo dục 2019 (quy định định mức cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo 03 vùng như Dự thảo sửa đổi lần 2 Thông tư mà Bộ GDĐT đã xin ý kiến của các tỉnh, thành phố).

+ Để khuyến khích tính sáng tạo, tạo động lực cho đội ngũ giáo viên, cần nghiên cứu ban hành cơ chế để thanh toán kinh phí dạy vượt giờ, làm việc vượt định mức quy định đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục khi cấp có thẩm quyền giao không đủ định mức biên chế (sửa đổi khoản 6 Điều 3 tại *Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 giữa Bộ GDĐT-Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập*).

+ Tăng hỗ trợ ngân sách Trung ương cho địa phương, đặc biệt đối với các địa phương còn khó khăn, có nguồn thu ngân sách không đảm bảo chi để triển khai thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2017-2025 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 1346/QĐ-TTg ngày 29/10/2018.

+ Theo quy định của *Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiều đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm*, sinh viên được hưởng chế hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt mà không công tác trong ngành giáo dục trong vòng 2 năm kể từ khi tốt nghiệp sẽ phải bồi hoàn kinh phí đã được hỗ trợ. Tuy nhiên, để công tác trong ngành giáo dục sinh viên phải thi đậu kỳ thi tuyển viên chức, như vậy là không có sự tương thích về mặt chính sách; đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh quy định này.

+ Chính phủ đã có chính sách đối với nhà giáo và cán bộ QLGD công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ trách nhiệm 0,3 *(tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006)* nhưng chưa có chính sách thích ứng đối với đội ngũ nhân viên công tác tại các môi trường giáo dục này. Trên thực tế, lương của đội ngũ nhân viên này quá thấp nhưng họ phải đảm nhiệm công việc phục vụ, chăm sóc các học sinh và trực đêm rất vất vả. Đề nghị Chính phủ xem xét bổ sung đối tượng *“nhân viên đang công tác tại trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn”* được hưởng chế độ 0,3 như giáo viên hoặc mức thấp hơn, nhưng nhất thiết phải có để giúp họ cải thiện đời sống, yên tâm công tác.

***2.3. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo***

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện *Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập* để đảm bảo định mức biên chế giáo dục phục vụ cho việc thực hiện chương trình GDPT mới. Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về đội ngũ giáo viên và sinh viên sư phạm, tính toán định mức giáo viên của ngành theo chương trình mới để làm cơ sở cho việc xác định nhu cầu, tạo sự chủ động cho các địa phương trong việc xây dựng kế hoạch tuyển dụng trong thời gian tới.

- Sớm xây dựng lộ trình, kế hoạch đào tạo giáo viên giảng dạy các bộ môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật... nhằm đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT 2018, tránh tình trạng không có giáo viên như hiện nay. Tăng sự chủ động cho các địa phương trong việc phối hợp với các trường Đại học Sư phạm trong việc bồi dưỡng giáo viên dạy đơn môn sang dạy các môn tích hợp đảm bảo chất lượng giáo dục các môn mới.

- Tiến hành tổng rà soát trong cả nước về nhu cầu xây dựng các phòng học, phòng chức năng theo *Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26/5/2020 về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* để tham mưu Chính phủ xây dựng chương trình, đề án nhằm hỗ trợ nguồn kinh phí cho các địa phương. Hiện nay nguồn vốn lồng ghép của các chương trình và nguồn vốn ngân sách các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo kinh phí xây dựng các trường theo tiêu chí về cơ sở vật chất theo Thông tư trên của Bộ.

- Ngày 26/5/2020 Bộ GDĐT ban hành *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.* Các quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chấtcủa các trường học tại 02 Thông tư trên là hết sức cần thiết, thể hiện tầm nhìn và quyết tâm của Bộ GDĐT trong việc đổi mới, hoàn thiện, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT mới. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay việc triển khai cải tạo hoặc xây mới các cơ sở giáo dục theo các tiêu chuẩn mới đề ra nói trên là hết sức bất cập do không có nguồn lực tài chính, nhất là đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn sẽ lâm vào tình trạng bất khả thi, cùng lắm chỉ thực hiện được đối với một số cơ sở xây mới nên lộ trình có thể kéo dài rất nhiều năm.

Trên thực tế, đã gần 02 năm triển khai thực hiện các thông tư nói trên nhưng số lượng các trường học được xây dựng theo chuẩn mới rất ít; số lượng trường học cải tạo đáp ứng theo chuẩn mới lại càng ít. Theo đó, đề nghị Bộ GDĐT nghiên cứu để có quy định cụ thể về lộ trình kiểm định, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn mới. Rất nhiều ý kiến ủng hộ và đề nghị Bộ GDĐT tiếp tục triển khai các thông tư trên, yêu cầu các địa phương quan tâm quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học theo chuẩn mới, nhưng cần có lộ trình cụ thể và việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia vẫn nên áp dụng theo các quy định hiện hành trong một thời gian, ít nhất đến năm 2025. Tuy nhiên, cần quan tâm sửa đổi, bổ sung các Thông tư số 17, Thông tư số 18 và Thông tư số 19 ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục để phù hợp với Luật Giáo dục, Điều lệ các trường học mới ban hành.

- Chỉ đạo rà soát những bất cập, hạn chế trong chương trình cũng như trong các bộ SGK GDPT để tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện; ban hành văn bản hướng dẫn cách thức triển khai một số vấn đề còn tồn tại[[23]](#footnote-23); sớm có phương án tổ chức thi học sinh giỏi, thi tuyển sinh lớp 10 THPT, thi tốt nghiệp THPT và thi đại học theo chương trình GDPT 2018 để học sinh có định hướng trong học tập.

***2.4. Đối với Bộ Tài chính***

Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp Bộ GDĐT nghiên cứu sửa đổi Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc. Cụ thể: Trang cấp các vật dụng cá nhân 2 lần/khóa học thay vì 1 lần/ khóa học như hiện nay; hỗ trợ tiền tàu xe 2 lần/năm học thay vì 1 lần/năm học; hỗ trợ cho đối tượng học sinh dân tộc nội trú để được hưởng chế độ học bổng đạt mức 100% theo hệ số lương cơ bản.

***2.5. Đối với HĐND tỉnh Quảng Bình***

- Quan tâm thực hiện việc giao biên chế giáo dục hàng năm vào kỳ họp HĐND giữa năm để đảm bảo các trường chủ động biên chế, kế hoạch học tập vào đầu năm học.

- Nghiên cứu ban hành Nghị quyết tăng định mức hỗ trợ tiền ăn và sinh hoạt phí cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn để đạt mức 50.000đ/ngày/học sinh vì mức hỗ trợ theo quy định hiện hành quá thấp[[24]](#footnote-24).

***2.6. Đối với UBND tỉnh***

- Theo quy định, việc in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Hiện tại, bộ tài liệu này đã được Bộ GDĐT phê duyệt nhưng chưa được in thành sách để kịp thời phát hành phục vụ cho hoạt động dạy và học, các trường phải sử dụng bản mềm PDF nên hạn chế chất lượng giáo dục. Đề nghị UBND quan tâm bố trí nguồn kinh phí; tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục để in sách, kịp thời phát hành trong hệ thống GDPT nhằm đáp ứng yêu cầu dạy - học, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, đảm bảo để hỗ trợ cho các giáo viên công tác tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, giáo viên chuyên biệt trong các trường dân tộc nội trú nhằm tạo động lực thu hút giáo viên, nhất là giáo viên có chất lượng tới công tác tại các địa bàn, cơ sở nói trên.

- Tiếp tục quan tâm nghiên cứu có cơ chế hấp dẫn, hợp lý nhằm động viên, khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục tư thục để hình thành mạng lưới các trường tư thục; khuyến khích các trường tư thục mở rộng quy mô và địa bàn để san sẻ gánh nặng của hệ thống công lập.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở GDĐT tham mưu thực hiện quy trình trình HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết giao biên chế giáo dục vào kỳ họp giữa năm để đảm bảo việc giao biên chế cho các trường vào đầu năm học. Chỉ đạo các sở, ngành, các địa phương phối hợp chặt chẽ với Sở GDĐT trong công tác điều động, luân chuyển giáo viên giữa các địa phương, các trường, tránh việc thừa, thiếu cục bộ như hiện nay.

- Chỉ đạo Sở GDĐT khảo sát nhu cầu học môn tự chọn của học sinh trước khi vào lớp 10 THPT để các đơn vị liên quan có cơ sở chủ động kế hoạch đào tạo, hỗ trợ mua sắm trang thiết bị.

***2.7. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo***

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh sớm triển khai in ấn sách giáo khoa, tài liệu tham khảo thuộc tài liệu giáo dục địa phương.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền để tạo sự đồng thuận về chương trình đổi mới chương trình, SGK GDPT.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các trường tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình đổi mới chương trình, SGK GDPT.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Bình báo cáo Đoàn giám sát của UBTVQH và gửi các cơ quan chức năng liên quan để biết, xem xét triển khai thực hiện các kiến nghị thuộc thẩm quyền, trách nhiệm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Đoàn giám sát của UBTVQH;  - Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Ủy ban Văn hóa - Giáo dục của QH;  - Bộ GDĐT, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;  - Các vị ĐBQH thuộc Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Vụ phục vụ HĐGS thuộc VPQH;  - Ban Văn hóa -Xã hội HĐND tỉnh;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Sở Nội vụ, Sở GDĐT *(nhờ gửi file mềm*  *đến các trường THPT)*;  - Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, LĐTBXH;  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Trường Đại học Quảng Bình;  - Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố  *(nhờ gửi file mềm đến các trường TH, THCS trực thuộc)*;  - Hệ thống giáo dục Chu Văn An;  - Lưu: VT, CTQH. | **TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**  **KT. TRƯỞNG ĐOÀN**  **PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**    **Nguyễn Minh Tâm** |

1. Trường Tiểu học Chu Văn An, Trường Tiểu học Đồng Phú, Trường THCS Quang Phú (TP Đồng Hới), Trường Tiểu học Thái Thủy, Trường THCS Lộc Thủy, Trường PTDT nội trú (Lệ Thủy), Trường THPT Đào Duy Từ, Phan Đình Phùng, trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa; Thông tư số [32/2018/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-403454.aspx) ngày 26/12/2018 về Chương trình giáo dục phổ thông, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2019; Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 về hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở GDPT; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số [20/2021/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-20-2021-tt-bgddt-sua-doi-thong-tu-32-2018-tt-bgddt-482695.aspx) ngày 01/7/2021 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số [32/2018/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-403454.aspx) và Thông tư số 02/VBHN-BGDĐT ngày 23/5/2022 ban hành chương trình GDPT… [↑](#footnote-ref-2)
3. Tiêu biểu: Giám sát chuyên đề kết quả thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình [↑](#footnote-ref-3)
4. Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh [↑](#footnote-ref-4)
5. Các cơ sở giáo dục vẫn phải bố trí 7 giáo viên dạy riêng từng phân môn; các môn học tích hợp theo tính cơ học, chưa lồng ghép các nội dung vào nhau, bổ trợ nhau để tạo thành một môn học tổng thể [↑](#footnote-ref-5)
6. Môn Văn lớp 6,7 các chương trình Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều... đòi hỏi nội dung học và nội dung đánh giá không giống nhau, những tác phẩm được thực hiện đánh giá năng lực không phải là những tác phẩm đã học nên học sinh bỡ ngỡ, khó khăn khi thực hiện các phần đánh giá theo chuẩn, đặc biệt là đối tượng học sinh dân tộc thiểu số. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Học sinh lớp 4, lớp 5 tiếp tục đánh giá theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo TT số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GDĐT.

   Học sinh lớp 6, 7, 10 đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá họcsinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Học sinh lớp 8, 9, 11, 12 đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011của Bộ GDĐT Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 26/2020/TTBGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và họcsinh trung học phổ thông ban hàn kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT. [↑](#footnote-ref-7)
8. Tăng cường sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Trong sinh hoạt tổ/nhóm chuyên tập trung vào việc tìm giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn và chất lượng các môn thi TN THPT; Thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Nâng cao chất lượng sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác QLGD; thực hiện nhập số liệu, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lí, báo cáo. [↑](#footnote-ref-8)
9. Đối với môn Hóa học: Cách gọi tên của một số nguyên tố, hợp chất hóa học chưa thống nhất (chỗ thì để nguyên tiếng Anh, chỗ thì phiên âm sang tiếng Việt) [↑](#footnote-ref-9)
10. 100% các cơ sở GDPT tham gia đề xuất lựa chọn SGK; trong đó, cấp Tiểu học: 217 (183 trường tiểu học, 3 trung tâm trẻ khuyết tật, 31 trường tiểu học và trung học cơ sở); cấp THCS: 173 (136 trường trung học cơ sở, 31 trường tiểu học và trung học cơ sở, 6 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông); cấp THPT: 32 (26 trường trung học phổ thông, 6 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông). [↑](#footnote-ref-10)
11. Căn cứ Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ GDĐT về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT 2018, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1309/KH-UBND ngày 09/8/2019 về việc tổ chức biên soạn và thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT mới và Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 3/3/2020 về việc phê duyệt Chương trình giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT mới. [↑](#footnote-ref-11)
12. Thời gian qua, Sở GDĐT đã phối hợp với Công ty cổ phần ĐT&PT giáo dục Đà Nẵng biên soạn tài liệu giáo dục địa phương theo phương án sử dụng ngân sách nhà nước; còn khâu in ấn, phát hành (chưa triển khai) thì có thể sử dụng ngân sách nhà nước hoặc xã hội hóa. Công ty cổ phần ĐT&PT giáo dục Đà Nẵng thông báo giá sách giáo khoa tài liệu giáo dục địa phương lớp 6,7,10 đã được Bộ Tài chính thẩm định; tài liệu giáo dục địa phương lớp 3 đã lên giá bìa nhưng chưa thuê đơn vị thẩm định độc lập. Hiện tại, Công ty cổ phần ĐT&PT giáo dục Đà Nẵng cũng đang tìm hiểu để đề xuất phương án in ấn, phát hành; Sở GDĐT đang phối hợp với Sở TTTT nghiên cứu quy định của Luật Xuất bản để tham mưu UBND tỉnh giải quyết. [↑](#footnote-ref-12)
13. Trong đó: có 514 giáo viên thuộc đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; có 160 giáo viên không còn đủ năm công tác, không thuộc đối tượng nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo sẽ được bố trí, sử dụng theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT quy định việc sử dụng giáo viên, CBQL giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo. [↑](#footnote-ref-13)
14. Kế hoạch số 1910/KH-UBND ngày 23/10/2020 về triển khai thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020 - 2025): chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ ngày 1/7/2020 đến hết ngày 31/12/2025, bảo đảm đạt ít nhất 50% giáo viên tiểu học đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân, 60% số giáo viên trung học cơ sở đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân. Giai đoạn 2, từ ngày 1/1/2026 đến hết ngày 31/12/2030, thực hiện nâng chuẩn đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% giáo viên của các cơ sở giáo dục đạt trình độ chuẩn theo quy định. [↑](#footnote-ref-14)
15. Trước khi có Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ. Hiện nay, các địa phương đang thực hiện tuyển dụng theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Về hợp đồng lao động: Trước khi có Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, các trường học thực hiện ký kết hợp đồng giảng dạy đối với giáo viên theo quy định hiện hành. Khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 102/QN-CP, UBND tỉnh Quảng Bình đã có Công văn số 1495/UBND-NV ngày 24/8/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/QN-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ, theo đó, các đơn vị, địa phương tiến hành hợp đồng theo quy định tại Nghị quyết số 102/QN-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ dạy học trong các nhà trường theo đúng quy định. [↑](#footnote-ref-15)
16. Đối với giáo viên dạy Tin học, Công nghệ lớp 3 thuộc vào môn học bắt buộc, tuy nhiên, do không có biên chế nên tới nay, chưa có phương án chi trả lương cho đội ngũ này. [↑](#footnote-ref-16)
17. Cụ thể, đầu năm học 2022 - 2023 toàn tỉnh có 9.508 khối phòng phục vụ học tập (bao gồm phòng học thông thường và các phòng học bộ môn tại các điểm trường chính và điểm trường lẻ); về khối phòng hỗ trợ học tập toàn tỉnh có 470 phòng thư viện, 315 phòng thiết bị giáo dục, 111 phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập và tư vấn học đường, 341 phòng y tế học đường, 91 nhà đang năng/phòng rèn luyện thể chất; về khối phụ trợ toàn tỉnh có 195 phòng hoạt động Đoàn - Đội, 307 phòng truyền thống. [↑](#footnote-ref-17)
18. Thiết bị dạy học khối lớp 10 chưa đủ để giảng dạy chương trình học mới; một số thiết bị có nhưng quá cũ, hư hỏng, thiếu nguyên liệu thực hành (phòng LAB, phòng học ngoại ngữ ngoại bị…). [↑](#footnote-ref-18)
19. Năm học 2018 - 2019: Cấp tiểu học hiện có 2381 bộ (đáp ứng 83% nhu cầu), cấp trung học cơ sở hiện có 637 bộ (đáp ứng 65% nhu cầu), cấp trung học phổ thông hiện có 226 bộ (đáp ứng 63% nhu cầu). Năm học 2019 - 2020: Cấp tiểu học hiện có 2454 bộ (đáp ứng 83% nhu cầu), cấp trung học cơ sở hiện có 643 bộ (đáp ứng 66% nhu cầu), cấp trung học phổ thông hiện có 234 bộ (đáp ứng 66% nhu cầu). Năm học 2020 - 2021: Cấp tiểu học hiện có 2717 bộ (đáp ứng 87% nhu cầu), cấp trung học cơ sở hiện có 679 bộ (đáp ứng 66% nhu cầu), cấp trung học phổ thông hiện có 242 bộ (đáp ứng 67% nhu cầu). Năm học 2021 - 2022: Cấp tiểu học hiện có 2767 bộ (đáp ứng 85% nhu cầu), cấp trung học cơ sở hiện có 693 bộ (đáp ứng 63% nhu cầu), cấp trung học phổ thông hiện có 254 bộ (đáp ứng 67% nhu cầu). [↑](#footnote-ref-19)
20. Trong đó kinh phí cho xây dựng, thẩm định tài liệu địa phương; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất cho đổi mới chương trình GDPT. [↑](#footnote-ref-20)
21. Kinh phí đổi mới chương trình SGK GDPT 2018 đến thời điểm cuối năm 2022 là 0,25 tỷ đồng cho xây dựng, thẩm định tài liệu địa phương; kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất cho đổi mới chương trình GDPT là 33,7 tỷ đồng, chủ yếu để mua sắm thiết bị dạy học, các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học. [↑](#footnote-ref-21)
22. Năm 2021, được sự hỗ trợ của Bộ GDĐT và các tổ chức, cá nhân khác, đã huy động nguồn lực thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em” với tổng kinh phí thực hiện ước 35 tỷ đồng, trong đó Bộ GDĐT hỗ trợ 30 tỷ đồng. Tỉnh đã tích cực tiếp xúc, vận động các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tài trợ, hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Cụ thể: Năm 2019, tổ chức Pacific Links Foundation (PALS - Mỹ) tài trợ Chương trình học bổng SEEDS cho các em học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại các huyện Bố Trạch, Lệ Thủy, Tuyên Hóa và thành phố Đồng Hới với tổng kinh phí 53.025 USD năm 2019 và 2.217,4 triệu đồng năm 2020; tổ chức Zhishan Foundation (Trung Quốc - Đài Loan) tài trợ thực hiện Dự án Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Quảng Bình với kinh phí 120.378 USD; tổ chức Slovak - Vietnam Chamber of Commerce (SVCC - Xlô-va-ki-a) đã trao tặng trang thiết bị trường học, với tổng giá trị gần 125 tr.đồng; Chương trình huy động nguồn lực xã hội (Điều ước cho em) đã hỗ trợ các trường trên địa bàn huyện Tuyên Hóa 02 công trình vệ sinh trường học; + 150 quả bóng đá và 100 quả bóng chuyền do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam tài trợ; 20 đèn học thông minh, 4 bộ phòng học thông minh, 50 sách sổ hướng dẫn, 1.000 giờ dạy học tình nguyện do Công ty TNHH Quản lý DUCAPITAL Holding tài trợ; 304 ba lô và túi đựng bút trị giá khoảng 100 triệu đồng do Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Apollo VN tài trợ; 100 học bổng cho học sinh (mỗi suất 1.000.000đ) + Bánh, kẹo, sữa cho các em học sinh do Báo Giáo dục thời đại tài trợ; 100 học bổng cho học sinh (mỗi suất 1.000.000đ) và 01 phần quà cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn (2 triệu đồng/phần quà) do Công ty MISA tài trợ; 20 phần quà cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn (2 triệu đồng/phần quà) do Công đoàn Giáo dục Việt Nam hỗ trợ; 193.930 tài khoản Office 365 không thời hạn cho HS, GV và CBQL do Công ty Microsoft tài trợ; Ban Quản lý các Dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng 250 cuốn sách; 100 thẻ học tiếng Anh giá trị 200tr; 20 triệu tiền mặt; chuyên gia, diễn giả chia sẻ trị giá 100 triệu do Tập đoàn Sydney tài trợ; Ngoài ra, trong quá trình khảo sát, đại diện Công ty Toyota đã quy định hỗ trợ 120 triệu đồng để xây dựng công trình vệ sinh trường TH Kim Lũ, năm 2021 tỉnh phê duyệt 03 dự án Phi chính phủ nước ngoài cho lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo bao gồm: Dự án Môi trường học tập an toàn và chất lượng tổng kinh phí khoảng 60 tỷ đồng, Dự án hướng tới phòng tránh tai nạn bom mìn tổng kinh phí 700 triệu đồng, Dự án do tổ chức Plan tài trợ 7 tỷ đồng.

    Quỹ học bổng Vallet của tổ chức Rencontres du Viet Nam (Pháp) do giáo sư Trần Thanh Vân sáng lập trao tặng khoảng 250 học bổng với kinh phí khoảng 2 tỷ đồng cho học sinh, sinh viên có thành tích học tập, nghiên cứu xuất sắc của tỉnh mỗi năm; tổ chức Passerelles Numeriques (PN - Pháp) đã cấp nhiều suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại một số trường trung học phổ thông trên toàn tỉnh và cam kết tiếp tục cấp 42 suất học bổng đào tạo công nghệ thông tin trình độ cao đẳng, riêng năm học 2018 - 2021 và 2019 - 2022, cấp 20 suất học bổng với kinh phí là 469.969 USD và sẽ bố trí việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp; năm 2020, tổ chức CRS và tổ chức cứu trợ trẻ em quốc tế cam kết hỗ trợ 4.324 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-22)
23. Hướng dẫn cụ thể hơn về việc chuyển trường của học sinh, nhất là đối với học sinh chuyển trường khác tổ hợp môn học đã học; Tham mưu với Chính phủ để có cơ chế và chính sách hỗ trợ các cơ sở giáo dục thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm trong Chương trình SGK GDPT [↑](#footnote-ref-23)
24. HIện nay, theo Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ GDĐT tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc, mức hỗ trợ đang là 32.000đ/ngày/ học sinh. [↑](#footnote-ref-24)